

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý tài nguyên và Môi trường
 - + Tiếng Anh: Management of Natural resources and Environment
- Mã ngành đào tạo: **9850101**
- Loại hình đào tạo: Chính quy – tập trung
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Quản lý tài nguyên và Môi trường
 - + Tiếng Anh: Management of Natural resources and Environment

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Nêu khái quát những kiến thức, kỹ năng đào tạo, trình độ và năng lực chuyên môn (lý thuyết, thực hành), vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp.

2.1 Về kiến thức

Trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về tài nguyên và môi trường (tự nhiên, xã hội và nhân văn); quản trị môi trường; các vấn đề môi trường, dân số và kinh tế xã hội tại các nước đang phát triển; các mâu thuẫn giữa đô thị hóa, công nghiệp hóa, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành quản lý tài nguyên và Môi trường nắm vững hệ thống lý thuyết và phương pháp liên ngành trong nghiên cứu.

2.2 Về kỹ năng

Trang bị cho học viên các phương pháp và công cụ nghiên cứu tiên tiến được áp dụng hiện nay trong các lĩnh vực quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

2.3 Phẩm chất, mức tự chủ và trách nhiệm

Trang bị cho học viên có phẩm chất của người nghiên cứu và ý thức phục vụ cộng đồng. Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành quản lý tài nguyên và Môi trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt để hoàn thành các nhiệm vụ, chức năng công việc nghiên cứu, giảng dạy và các công việc có liên quan đến kiến thức chuyên môn.

3. Đối tượng tuyển sinh

3.1 Đối tượng không phải bổ sung kiến thức

- Ngành đúng và ngành phù hợp: Địa Lý học, Quản lý tài nguyên và môi trường và Quản lý đất đai.

3.2 Đối tượng phải bổ sung kiến thức

- Ngành gần: Thạc sĩ/Cử nhân khoa học các chuyên ngành gần: Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý biển đảo và đới bờ, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Lâm học (hay Lâm nghiệp), Địa lý tài nguyên và môi trường, Sư phạm Địa Lý và Khoa học môi trường sẽ học chương trình bổ sung kiến thức với tổng số **10 tín chỉ**.

Danh mục các môn học bổ sung cho ngành gần (4 môn – 10 tín chỉ):

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
01	Môi trường học đại cương	03	
02	Cơ sở Địa lý tự nhiên	02	
03	Bản đồ-GIS đại cương	03	
04	Viễn thám đại cương	02	

- Thạc sĩ/ Cử nhân khoa học các chuyên ngành khác (thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn): Xã hội học, Nhân học, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quy hoạch và quản lý đô thị (hay Quy hoạch vùng và đô thị) và Chính sách công sẽ học chương trình chuyển đổi kiến thức với tổng số **15 tín chỉ**.

Danh mục các môn học chuyển đổi cho ngành khác (thuộc lĩnh vực Khoa Học Hội và Nhân Văn) (6 môn – 15 tín chỉ):

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
01	Môi trường học đại cương	03	
02	Cơ sở Địa lý tự nhiên	02	
03	Bản đồ-GIS đại cương	03	
04	Viễn thám đại cương	02	
05	Tài nguyên rừng	02	
06	Địa sinh vật đại cương	03	

- **Thạc sĩ/ Cử nhân khoa học các chuyên ngành khác (khác lĩnh vực Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn):** Khí tượng học (hay Khí tượng và khí hậu học), Thủy văn học, Địa vật lý, Hải dương học, Sinh thái học, Địa chất học, Quản lý công, Quản lý xây dựng, Y tế công cộng và Kinh tế học sẽ học chương trình chuyển đổi kiến thức với tổng số **20 tín chỉ**.

Danh mục các môn học chuyển đổi cho ngành khác (khác lĩnh vực Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn) (8 môn – 20 tín chỉ):

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
01	Môi trường học đại cương	03	
02	Cơ sở Địa lý tự nhiên	02	
03	Bản đồ-GIS đại cương	03	
04	Viễn thám đại cương	02	
05	Tài nguyên rừng	02	
06	Địa sinh vật đại cương	03	
07	Cơ sở Địa lý nhân văn	03	
08	Dân số học và Địa lý dân cư	02	

- Các ngành còn lại: sẽ do Hội đồng khoa học của Khoa quyết định định, dựa trên hướng nghiên cứu và bảng điểm của học viên.

4. Chuẩn đầu ra

4.1 Về kiến thức:

- Nắm vững, vận dụng sáng tạo và mở rộng kiến thức liên ngành và lãnh thổ trong giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra thuộc các lĩnh vực:
 - + Quản trị tài nguyên và môi trường: quản trị môi trường đô thị - nông thôn – hải đảo.
 - + Các vấn đề kinh tế môi trường, kinh tế phát triển, du lịch bền vững, du lịch sinh thái...
 - + Các vấn đề xã hội liên quan đến môi trường: sinh thái nhân văn, giới, sự tham gia của cộng đồng;
 - + Các vấn đề liên quan đến chính sách môi trường: xây dựng, triển khai và đánh giá chính sách;

- Hiểu biết đầy đủ về các công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu mà Việt Nam có tham gia;
- Đủ năng lực đề tư vấn, tạo ra các giải pháp và hoạch định chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường mang tính bền vững và phù hợp với thể chế và chính sách của Việt Nam.

4.2 Về kỹ năng

- Áp dụng thành thạo các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu, phương pháp đánh giá tác động môi trường và các công cụ như GIS, Viễn thám, thống kê vào nghiên cứu, giảng dạy và giải quyết các vấn đề quản lý tài nguyên và môi trường.
- Có khả năng xây dựng và triển khai các nghiên cứu tạo ra tri thức mới.
- Có khả năng phát hiện, nhận diện các vấn đề có tính liên ngành và xây dựng được khung nghiên cứu tích hợp kiến thức liên ngành.
- Có khả năng suy luận, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề khoa học và đưa ra các hướng xử lý, giải pháp mang tính mới, sáng tạo và hiệu quả.
- Có khả năng quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn và nghiên cứu.
- Có khả năng đưa ra các quyết định mang tính chuyên gia.

4.3 Về Phẩm chất, mức tự chủ và trách nhiệm:

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tự chịu trách nhiệm, công tâm và tinh thần hợp tác trong công việc.
- Có ý thức bảo vệ môi trường, tư duy phát triển bền vững và trung thực trong nghiên cứu khoa học.
- Có ý thức phục vụ cộng đồng.

5. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

5.1. Chuẩn đầu ra

Chuẩn về kiến thức, năng lực chuyên môn 4.1	Chuẩn về kỹ năng 4.2	Chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm 4.3
4.1.1 Làm chủ kiến thức cốt lõi, nền tảng lý thuyết về chuyên ngành quản lý tài nguyên và Môi trường.	4.2.1 Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực của ngành học	4.3.1 Độc lập trong nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới; đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau

4.1.2 Nắm được các qui luật, tiến trình, nguyên lý của vấn đề, tiếp cận và giải quyết dựa trên chuyên ngành học	4.2.2 Có khả năng phân tích, tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn; kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo	4.3.2 Có tính thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. Chủ động đưa ra phán quyết, quyết định mang tính chuyên gia về chuyên ngành quản lý tài nguyên và Môi trường.
4.1.3 Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong về chuyên ngành quản lý tài nguyên và Môi trường.	4.2.3 Có năng lực quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực về quản lý tài nguyên và Môi trường.	4.3.3 Chịu trách nhiệm quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong nghiên cứu, học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới

5.2. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra

Học kỳ	Tên môn học	Chuẩn đầu ra								
		4.1.1	4.1.2	4.1.3	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.3.1	4.3.2	4.3.3
Kiến thức bắt buộc										
1	Phương pháp luận NCKH	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	Phân tích chính sách	x	x		x	x	x	x	x	x
2	Phân tích rủi ro môi trường	x	x		x	x	x	x	x	x
2	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên và môi trường	x	x		x	x	x	x	x	x
2	Sản xuất và tiêu thụ bền vững	x	x		x	x	x	x	x	x
2	Quản lý môi trường vùng đới bờ	x	x		x	x	x	x	x	x
2	Quản trị tài nguyên nước	x	x		x	x	x	x	x	x

6. Điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh phải tích lũy đủ số tín chỉ, công bố tối thiểu 02 bài báo theo quy định phù hợp với từng chương trình đào tạo; bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành.

7. Loại chương trình đào tạo

7.1. Chương trình đào tạo dành cho người có bằng đại học.

7.2. Chương trình đào tạo dành cho người có bằng thạc sĩ ngành đúng và phù hợp.

7.3. Chương trình đào tạo dành cho người có bằng thạc sĩ ngành gần.

7.4. Chương trình đào tạo dành cho người có bằng thạc sĩ ngành khác.

8. Thời gian đào tạo:

- 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ;
- 04 năm đối với người có bằng đại học.

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1. Chương trình đào tạo dành cho người có bằng đại học (chưa có bằng Thạc sĩ)

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **tối thiểu 120** tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung: gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ có khối lượng kiến thức **tối thiểu 30** tín chỉ (bao gồm 18 tín chỉ bắt buộc và 12 tín chỉ lựa chọn) (trừ các học phần kiến thức chung (bắt buộc), ngoại ngữ và luận văn).
 - + Khối kiến thức chung (bắt buộc): 04 tín chỉ
 - + Khối kiến thức cơ sở và ngành: 30 tín chỉ
 - Bắt buộc: 18 tín chỉ
 - Tự chọn: 12 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 04 đến 08 học phần với khối lượng **từ 14 đến 20** tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ (03 chuyên đề) là những học phần bắt buộc.
 - + Các học phần tiến sĩ: 08 tín chỉ
 - Bắt buộc: 06 tín chỉ
 - Tự chọn: 02 tín chỉ
 - + Các chuyên đề tiến sĩ: 09 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan:
- Luận án tiến sĩ:

03 tín chỉ
70 tín chỉ

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)			Tổng số tiết
				Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I		I	Các học phần bổ sung	34			
1		1	Khối kiến thức chung	4/8			
1.1			Triết học	04	4	0	60
1.2			Lịch sử văn hoá Việt Nam (dành cho người nước ngoài)	04			60
2		2	Khối kiến thức cơ sở và ngành	30			
2.1			Các học phần bắt buộc	18/18			
2.1.1			Quản trị tài nguyên môi trường	3	2	1	45
2.1.2			Sinh thái nhân văn: các vấn đề về lý thuyết và ứng dụng	3	2	1	45
2.1.3			Kinh tế môi trường	3	2	1	45
2.1.4			Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1,5	1,5	45
2.1.5			Biến đổi khí hậu	3	1,5	1,5	45
2.1.6			Phân tích rủi ro	3	2	1	45
2.2			Các học phần lựa chọn	12			
2.2.1			Quản trị môi trường đô thị	03	03	0	45
2.2.2			Quản trị môi trường nông thôn	03	03	0	45
2.2.3			Quản trị môi trường biển và ven biển	03	03	0	45
2.2.4			Đánh giá tác động môi trường	03	03	0	45
2.2.5			Kinh tế phát triển	03	03	0	45
2.2.6			Phân tích chính sách	02	02	0	30
2.2.7			Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường (Lý thuyết)	02	02	0	30
2.2.8			Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường	02	02	2	30

			(Thực hành)				
2.2.9			Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường (Lý thuyết)	02	02	0	30
2.2.10			Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường (Thực hành)	02	0	2	30
2.2.11			Đa dạng sinh học	02	02	0	30
2.2.12			Du lịch sinh thái và phát triển bền vững	02	02	0	30
2.2.13			Xã hội học môi trường	02	02	0	30
2.2.14			Độc chất học môi trường	02	02	0	30
2.2.15			Giới, môi trường và phát triển bền vững	02	02	0	30
2.2.16			Vệ sinh bệnh học môi trường	02	02	0	30
2.2.17			Thống kê ứng dụng trong quản lý môi trường (Lý thuyết)	02	02	0	30
2.2.18			Thống kê ứng dụng trong quản lý môi trường (Thực hành)	02	0	2	30
2.2.19			Các lý thuyết phát triển và phát triển bền vững ở các dân tộc Việt Nam	03	03	0	Chuyên ngành Dân tộc học
2.2.20			Khối ASEAN với vấn đề khu vực hóa và toàn cầu hóa	02	02	0	Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam
II		II	Các học phần tiến sĩ	08			
2.1		1	Các học phần bắt buộc	6/6			
2.1.1			Phương pháp luận NCKH	2	1	1	30
2.1.2			Phân tích chính sách	2	2	0	30
2.1.3			Phân tích rủi ro	2	1	1	30

2.2		2	Các học phần lựa chọn	2/8		
2.2.1			Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	1	30
2.2.2			Sản xuất và tiêu thụ bền vững	2	1	30
2.2.3			Quản lý môi trường vùng đới bờ	2	1	30
2.2.4			Quản trị tài nguyên nước	2	1	30
III		III	Các chuyên đề tiến sĩ	9/9		
1			- Chuyên đề 1	3	Bảo vệ trước tiểu ban chấm chuyên đề, tiểu luận tổng quan	
2			- Chuyên đề 2	3		
3			- Chuyên đề 3	3		
IV		IV	Tiểu luận tổng quan	3		
V		V	Luận án	70	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án	
Tổng cộng				124	Tín chỉ	

9.2. Chương trình đào tạo dành cho người có bằng thạc sĩ ngành đúng và phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **tối thiểu 90** tín chỉ, trong đó:

- Các học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: *mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 04 đến 08 học phần với khối lượng từ 14 đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ (03 chuyên đề) là những học phần bắt buộc.*

+ Các học phần tiến sĩ: 08 tín chỉ

Bắt buộc: 06 tín chỉ

Tự chọn: 02 tín chỉ

+ Các chuyên đề tiến sĩ (3 chuyên đề): 09 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 03 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)			Tổng số tiết
				Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I		I	Các học phần bổ sung	Các NCS có bằng Thạc sỹ chuyên ngành đúng và phù hợp ¹			
II		II	Các học phần tiến sĩ				
1.1		1	Các học phần bắt buộc	6/6			
1.1.1			Quản trị tài nguyên môi trường	3	3	0	45
1.1.2			Sinh thái nhân văn	3	2	1	45
1.1.3			Kinh tế môi trường	3	3	0	45
1.1.4			Phương pháp luận NCKH	2	1	1	30
1.1.5			Phân tích chính sách	2	2	0	30
1.1.6			Phân tích rủi ro	2	1	1	30
2.2		2	Các học phần lựa chọn	2/8			
2.2.1			Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	1	1	30
2.2.2			Sản xuất và tiêu thụ bền vững	2	1	1	30
2.2.3			Quản lý môi trường vùng đới bờ	2	1	1	30
2.2.4			Quản trị tài nguyên nước	2	1	1	30
III		III	Các chuyên đề tiến sĩ	9/9			
1			- Chuyên đề 1	3	Bảo vệ trước tiểu ban chấm chuyên đề, tiểu luận tổng quan		
2			- Chuyên đề 2	3			
3			- Chuyên đề 3	3			
IV		IV	Tiểu luận tổng quan	3			

¹Bao gồm các Thạc sỹ chuyên ngành sau: Sử dụng và bảo vệ Tài nguyên môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường và Địa lý học (do Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM).

V		V	Luận án	70	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án	
Tổng cộng				90		

9.3. Chương trình đào tạo dành cho người có bằng Thạc sỹ ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **tối thiểu 105** tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung: gồm các học phần ở trình độ thạc sỹ có khối lượng kiến thức **tối thiểu 15** tín chỉ, bao gồm:
 - + Khối kiến thức cơ sở và ngành: 15 tín chỉ
 - Bắt buộc: 09 tín chỉ
 - Tự chọn: 06 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 04 đến 08 học học phần với khối lượng **từ 14 đến 20** tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ (03 chuyên đề) là những học phần bắt buộc.
 - + Các học phần tiến sĩ: 08 tín chỉ
 - Bắt buộc: 06 tín chỉ
 - Tự chọn: 02 tín chỉ
 - + Các chuyên đề tiến sĩ: 09 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 03 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)			Tổng số tiết
				Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I		I	Các học phần bổ sung				
2.1			Các học phần bắt buộc	9/18			
2.1.1			Quản trị tài nguyên môi trường	3	3	0	45
2.1.2			Sinh thái nhân văn: các vấn đề về lý thuyết và ứng dụng	3	2	1	45
2.1.3			Kinh tế môi trường	3	3	0	45

2.2			Các học phần lựa chọn	6/10		
2.2.7			Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường (Lý thuyết)	02	02	0 30
2.2.8			Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường (Thực hành)	02	02	02 30
2.2.11			Đa dạng sinh học	02	02	0 30
2.2.13			Xã hội học môi trường	02	02	0 30
2.2.16			Vệ sinh bệnh học môi trường	02	02	0 30
II		II	Các học phần tiến sĩ			
2.1		1	Các học phần bắt buộc	06		
2.1.1			Quản trị tài nguyên môi trường	3	3	0 45
2.1.2			Sinh thái nhân văn	3	2	1 45
2.1.3			Kinh tế môi trường	3	3	0 45
2.2		2	Các học phần lựa chọn	2/8		
2.2.1			Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	1	1 30
2.2.2			Sản xuất và tiêu thụ bền vững	2	1	1 30
2.2.3			Quản lý môi trường vùng đới bờ	2	1	1 30
2.2.4			Quản trị tài nguyên nước	2	1	1 30
III		III	Các chuyên đề tiến sĩ	9/9		
1			- Chuyên đề 1	3	Bảo vệ trước tiểu ban chấm chuyên đề, tiểu luận tổng quan	
2			- Chuyên đề 2	3		
3			- Chuyên đề 3	3		
IV		IV	Tiểu luận tổng quan	3		
V		V	Luận án	70	Bảo vệ trước Hội đồng đánh	

					giá luận án	
Tổng cộng				105		

9.4. Chương trình đào tạo dành cho người Thạc sỹ thuộc chuyên ngành khác

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **tối thiểu 110** tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung: gồm các học phần ở trình độ thạc sỹ có **khối lượng kiến thức tối thiểu 20 tín chỉ**, bao gồm:

+ Khối kiến thức cơ sở và ngành: 20 tín chỉ

Bắt buộc: 12 tín chỉ

Tự chọn: 08 tín chỉ

- Các học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 04 học phần với khối lượng **08 tín chỉ**, trong đó tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ (03 chuyên đề) là những học phần bắt buộc.

+ **Các học phần tiến sĩ: 08 tín chỉ**

Bắt buộc: 06 tín chỉ

Tự chọn: 02 tín chỉ

+ **Các chuyên đề tiến sĩ: 09 tín chỉ**

+ **Tiểu luận tổng quan: 03 tín chỉ**

- Luận án tiến sĩ: **70 tín chỉ**

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)			Tổng số tiết
				Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I		I	Các học phần bổ sung	20			
1.1			Các học phần bắt buộc	12/12			
1.1.1			Quản trị tài nguyên môi trường	3	2	1	45
1.1.2			Sinh thái nhân văn: các vấn đề về lý thuyết và ứng dụng	3	2	1	45
1.1.3			Kinh tế môi trường	3	2	1	45
1.1.4			Biến đổi khí hậu	3	3	0	45
1.2			Các học phần lựa chọn	8/10			
1.2.1			Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường (Lý thuyết)	02	02	0	30

1.2.2			Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên môi trường (Thực hành)	02	02	02	30
1.2.3			Đa dạng sinh học	02	02	0	30
1.2.4			Xã hội học môi trường	02	02	0	30
1.2.5			Vệ sinh bệnh học môi trường	02	02	0	30
II		II	Các học phần tiến sĩ	08			
2.1		1	Các học phần bắt buộc	6/6			
2.1.1			Phương pháp luận NCKH	2	1	1	30
2.1.2			Phân tích chính sách	2	2	0	30
2.1.3			Phân tích rủi ro	2	1	1	30
2.2		2	Các học phần lựa chọn	2/8			
2.2.1			Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	1	1	30
2.2.2			Sản xuất và tiêu thụ bền vững	2	1	1	30
2.2.3			Quản lý môi trường vùng đối bờ	2	1	1	30
2.2.4			Quản trị tài nguyên nước	2	1	1	30
III		III	Các chuyên đề tiến sĩ	9/9			
1			- Chuyên đề 1	3	Bảo vệ trước tiêu ban chấm chuyên đề, tiểu luận tổng quan		
2			- Chuyên đề 2	3			
3			- Chuyên đề 3	3			
IV		IV	Tiểu luận tổng quan	3			
V		V	Luận án	70	Bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án		
Tổng cộng				110			